TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Xuân Hiểu;

2. Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 52/TB-TA ngày 05 ngày 11 tháng 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Quỳnh T; địa chỉ: Phố LTK, phường PHT, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức L; địa chỉ ĐKHKTT: Phố LTK, phường PHT, quận HB, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội …, Phân trại …, Trại giam X, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Quỳnh T trình bày:

Chị T và anh L kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PBC, quận HB, thành phố Hải Phòng vào năm 2010. Quá trình vợ

chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, về tính cách. Năm 2015, anh L vi phạm pháp luật bị Tòa án xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành hình phạt tại Trại giam X, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Nay chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Đức Đăng K, sinh ngày 26/6/2012 hiện đang ở cùng chị T. Ly hôn, chị Tg có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại Bản khai đề ngày 03/10/2018, bị đơn Anh Nguyễn Đức L trình bày:

Anh L và chị T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày. Nay chị T yêu cầu giải quyết ly hôn, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Đức Đăng K, sinh ngày 26/6/ 2012. Ly hôn, anh L đồng ý để chị T nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự mnăm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Trần Thị Quỳnh T ly hôn anh Nguyễn Đức L. Về con chung: Giao con Nguyễn Đức Đăng K, sinh ngày 26/6/2012 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PBC, quận HB, thành phố Hải Phòng nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T cho rằng quá trình chung sống giữa chị và anh L có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về cách sống nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Năm 2015, anh L vi phạm pháp luật bị Tòa án xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện nay anh L đang chấp hành hình phạt tại Trại giam X, huyện TN, thành phố Hải Phòng nên vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Trong khi đó, anh L cũng xác nhận giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý giải quyết ly hôn với chị T theo quy định của pháp luật. Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các bên, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của chị T: Cho chị Trần Thị Quỳnh T ly hôn anh Nguyễn Đức L.

[4] Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Đức Đăng K, sinh ngày 26/6/2012. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên; Anh L đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con Nguyễn Đức Đăng K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các bên, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con, các bên tự thỏa thuận thực hiện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Quỳnh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Quỳnh T ly hôn anh Nguyễn Đức L.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Đức Đăng K, sinh ngày 26/6/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Quỳnh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007854, ngày 30/05/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường PBC;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Hữu Hường